

Số: 19 /KL-UBND

Krông Pa, ngày 06 tháng 3 năm 2020

**KẾT LUẬN THANH TRA**  
**Việc sử dụng quỹ bảo hiểm y tế, mua sắm**  
**trang thiết bị y tế và vật tư tiêu hao, đấu thầu thuốc chữa bệnh**  
**tại Bảo hiểm xã hội huyện Krông Pa và Trung tâm y tế huyện Krông Pa**

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số: 335/QĐ-UBND về việc thanh tra việc sử dụng quỹ bảo hiểm y tế, mua sắm trang thiết bị y tế và vật tư tiêu hao, đấu thầu thuốc chữa bệnh tại Trung tâm y tế huyện Krông Pa và Bảo hiểm xã hội huyện Krông Pa.

Xét báo cáo kết quả thanh tra số: 10/BC-ĐTTr, ngày 05 tháng 03 năm 2020 của Đoàn thanh tra huyện,

Chủ tịch UBND huyện Krông Pa Kết luận như sau:

**A. KHÁI QUÁT CHUNG:**

**1. Bảo hiểm Xã hội huyện Krông Pa:**

Bảo hiểm Xã hội (BHXH) huyện Krông Pa là cơ quan trực thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh đặt tại huyện, có chức năng giúp Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh tổ chức thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; quản lý thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện theo quy định. Bảo hiểm xã hội huyện chịu sự quản lý trực tiếp, toàn diện của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh và chịu sự quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn của UBND huyện.

Về cơ cấu tổ chức: Tổng số viên chức và người lao động làm việc hiện nay là 12 người gồm: 01 Giám đốc, 01 Phó giám đốc, 07 chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ, 01 tạp vụ, 01 bảo vệ, 01 lái xe; Trình độ chuyên môn: Đại học 09, trung cấp 02; trình độ lý luận Chính trị: Trung cấp 02 người.

**2. Trung tâm y tế huyện Krông Pa:**

Trung tâm Y tế (TTYT) huyện là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế Gia Lai, chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức nhân sự, hoạt động tài chính và cơ sở vật chất của Sở Y tế; chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị y tế tuyến tỉnh, Trung ương; đồng thời chịu sự quản lý nhà nước cùng cấp là UBND huyện Krông Pa. Đơn vị làm nhiệm vụ chăm sóc khám, chữa bệnh; phòng chống dịch bệnh và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế trên địa bàn huyện.

Cơ cấu tổ chức: TTYT huyện hiện nay gồm 01 Bệnh viện 95 giường, 14 Trạm y tế các xã, thị trấn, 01 Ban y tế dự phòng.

Tổng số biên chế có mặt hiện tại: **207 người**; trong đó: 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc; 180 viên chức; 04 hợp đồng theo Nghị định số: 68/NĐ-CP; 20 Hợp đồng lao động.

Trình độ chuyên môn: Bác sỹ: 36; Y sỹ: 31, Dược sỹ: 18, Điều dưỡng: 54, kỹ thuật viên: 10, hộ sinh: 30, Các ngành khác: 28.

## **B. KẾT QUẢ THANH TRA:**

### **I. Thanh tra BHXH huyện Krông Pa:**

#### **1. Việc quản lý thu, phát triển đối tượng tham gia BHYT:**

a. Công tác tuyên truyền: BHXH huyện thường xuyên phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và cơ quan truyền thông tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về BHYT đến với TDP, thôn, buôn trên địa bàn huyện.

b. Tỷ lệ bao phủ BHYT tại địa phương: Trong thời gian qua, từ năm 2014-2019 chỉ tiêu bao phủ BHYT cụ thể:

<b>STT</b>	<b>Năm</b>	<b>Dân số</b>	<b>Số người tham gia BHYT</b>	<b>Tỷ lệ bao phủ (%)</b>	<b>Chỉ tiêu được giao</b>
1	2014	80.132	72.136	0,90	72.318
2	2015	82.640	74.849	0,91	74.674
3	2016	84.028	82.315	0,98	82.045
4	2017	84.623	81.436	0,96	81.246
5	2018	85.242	84.740	0,99	84.068
6	2019	86.053	85.313	0,99	85.047

c. Việc đảm bảo kinh phí từ NSNN hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng chính sách từ năm 2014 đến 9 tháng năm 2019:

Kinh phí NSNN hỗ trợ đóng BHYT cho một số đối tượng chính sách được thực hiện theo quy định của luật BHYT và Nghị định số: 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật BHYT.

- Tổng kinh phí hỗ trợ đóng BHYT từ năm 2014-9/2019 là: 269.426.948.000đ (Hai trăm sáu mươi chín tỷ, bốn trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi tám ngàn đồng); trong đó:

- + Năm 2014: 41.677.504.000đ;
- + Năm 2015: 40.098.910.000đ;
- + Năm 2016: 46.074.740.000đ;
- + Năm 2017: 44.479.462.000đ;
- + Năm 2018: 53.759.084.000đ;
- + Chín tháng năm 2019: 43.337.248.000đ.

#### **2. Việc thực hiện các chế độ Bảo hiểm y tế:**

Thực hiện theo quy định của Luật BHYT, tại địa bàn huyện nguồn thu và kinh phí được BHXH cấp trên cấp chủ yếu phục vụ cho việc thanh toán chi phí khám chữa bệnh (khám chữa bệnh viết tắt KCB) Bảo hiểm y tế (BHYT) của TTYT huyện Krông Pa; chi trả thanh toán trực tiếp cho đối tượng tham gia BHYT khi đi KCB chưa được cơ sở KCB thanh toán; chi cho công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại các trường học và các đơn vị sử dụng lao động có đầy đủ điều kiện về phòng y tế, nhân viên y tế theo quy định của Luật BHYT.

### **3. Việc phân bổ và sử dụng quỹ BHYT:**

Việc quản lý, phân bổ và sử dụng quỹ BHYT được thực hiện quy định tại điều 35, Luật sửa đổi, bổ sung BHYT năm 2014 cụ thể:

- Trích 90% số tiền đóng BHYT dành cho công tác khám chữa bệnh (nội dung trích phân bổ được thực hiện tại BHXH Việt Nam).

- Trích 10% số tiền đóng BHYT dành cho quỹ dự phòng, chi phí quản lý quỹ BHYT, trong đó dành tối thiểu 5% số tiền đóng BHYT cho quỹ dự phòng (nội dung này được trích và quản lý và điều tiết tập trung tại Trung ương).

### **4. Công tác quản lý và sử dụng quỹ KCB BHYT:**

Hàng năm từ năm 2014 đến năm 2019, BHXH huyện ký kết hợp đồng KCB BHYT với Trung tâm y tế huyện (năm 2014: HĐ số 01/HĐ KCB-BHYT ngày 30/12/2013; năm 2015: Hợp đồng số 01/HĐ KCB-BHYT ngày 29/12/2014; năm 2016: HĐ số 01/HĐ KCB-BHYT ngày 30/12/2015; năm 2017: HĐ số 03/HĐ KCB-BHYT ngày 28/12/2016; năm 2018: HĐ số 05/HĐ KCB-BHYT ngày 25/12/2017; năm 2019: HĐ số 06/HĐ KCB-BHYT ngày 28/12/2018). Qua kiểm tra xác định các Hợp đồng ký đảm bảo theo mẫu, nội dung cũng như các điều khoản trong hợp đồng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 của Bộ Y tế-Bộ Tài chính; Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế và Quyết định số 1399/QĐ-BHXH ngày 22/11/2014 về việc ban hành quy định về tổ chức thực hiện BHYT trong KCB của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

#### **\* Thanh quyết toán chi phí KCB BHYT:**

Chi phí Khám chữa bệnh bảo hiểm y tế: Bảo hiểm xã hội huyện không chấp nhận thanh toán từ năm 2014 đến 9 tháng năm 2019 cụ thể:

- Năm 2014: Chi phí KCB BHYT của Trung tâm Y tế huyện đề nghị quyết toán số tiền: 4.695.052.931đ; BHXH huyện chấp nhận quyết toán: 4.693.389.019đ; số BHXH không chấp nhận thanh toán: 1.663.912đ. Lý do từ chối bao gồm: Hồ sơ thể hiện vừa điều trị nội trú, vừa khám ngoại trú;

- Năm 2015: Chi phí KCB BHYT của Trung tâm Y tế huyện đề nghị quyết toán: 6.018.390.539đ; BHXH huyện chấp nhận quyết toán: 5.994.778.897đ; số BHXH không chấp nhận thanh toán: 23.611.642đ. Lý do từ chối bao gồm: khám bệnh không đúng đăng ký KCB ban đầu, khám 2 lần trong 1 ngày, thanh toán sai tiền giường.

- Năm 2016: Chi phí KCB BHYT của Trung tâm Y tế huyện đề nghị quyết toán: 10.682.945.840đ; BHXH huyện chấp nhận quyết toán: 10.452.376.672đ; số BHXH không chấp nhận thanh toán: 230.569.168đ. Lý do từ chối bao gồm: Khám 2 lần trong 1 ngày; khám ngoài giờ hành chính, thuốc ngoài danh mục sử dụng tại bệnh viện, sai thẻ bảo hiểm, dịch vụ kỹ thuật (DVKT) không nằm trong danh mục được phê duyệt, thẻ bảo hiểm hết hạn, chỉ định DVKT không phù hợp với chẩn đoán...

- Năm 2017: Chi phí KCB BHYT của Trung tâm Y tế huyện đề nghị quyết toán: 15.992.683.757đ; BHXH huyện chấp nhận quyết toán: 15.646.388.129đ, (trong đó: số BHXH không chấp nhận thanh toán: 346.295.628đ; BHXH Việt Nam xuất toán theo quy định 473.344.467đ). Lý do từ chối bao gồm: Thuốc không phù hợp với chẩn đoán, thuốc ngoài danh mục sử dụng tại bệnh viện, DVKT không nằm trong danh mục được phê duyệt; sai thẻ, sai họ tên, giới tính, năm sinh, thẻ hết hạn, chỉ định

DVKT không phù hợp với chẩn đoán, áp sai giá DVKT, giá cao hơn giá phê duyệt, thuốc thay đổi, thay đổi đơn giá ở màn hình giám định tự động 192021...

- Năm 2018: Chi phí KCB BHYT của Trung tâm Y tế huyện đề nghị quyết toán: 15.818.573.651đ; BHXH huyện chấp nhận quyết toán: 15.482.696.660đ; số BHXH không chấp nhận thanh toán: 335.876.991đ. Lý do từ chối bao gồm: Xuất toán số lượng thuốc và dịch vụ kỹ thuật ở màn hình giám định tự động 192021, thuốc ngoài danh mục sử dụng tại bệnh viện, sai xét nghiệm của chương trình y tế Quốc gia, thay đổi DVKT, giá thuốc thanh toán lớn hơn giá được duyệt, DVKT không nằm trong danh mục thực hiện.

- Chín tháng năm 2019: Chi phí KCB BHYT của Trung tâm Y tế huyện đề nghị quyết toán: 9.752.934.964đ; BHXH huyện chấp nhận quyết toán: 9.500.970.980đ; số BHXH không chấp nhận thanh toán: 251.963.984đ. Lý do từ chối bao gồm: chi phí dịch vụ rửa dạ dày loại bỏ chất độc qua hệ thống kín sang rửa dạ dày cấp cứu, thuốc sai danh mục tại bệnh viện, xuất toán số lượng thuốc của hồ sơ, thuốc chống chỉ định, giá thuốc thanh toán lớn hơn giá được duyệt và thuốc nằm ngoài danh mục sử dụng tại bệnh viện, xuất toán số lượng thuốc và dịch vụ kỹ thuật ở màn hình giám định tự động 192021.

### **5. Việc tạm ứng, thanh quyết toán tiền chi KCB BHYT cho TTYT huyện:**

Năm 2014 BHXH huyện thực hiện tạm ứng, thanh quyết toán chi phí KCB BHYT theo quyết định số 82/QĐ-BHXH ngày 20/01/2010 của BHXH Việt Nam ban hành quy định tổ chức hợp đồng KCB, giám định và chi trả chi phí KCB, quản lý và sử dụng quỹ BHYT.

Từ năm 2015 đến nay BHXH huyện thực hiện tạm ứng, thanh quyết toán chi phí KCB BHYT theo quyết định số 1399/QĐ-BHXH ngày 22/12/2014 của BHXH Việt Nam ban hành quy định tổ chức hợp đồng KCB, giám định và chi trả chi phí KCB, quản lý và sử dụng quỹ BHYT. Trên cơ sở kinh phí BHXH tỉnh cấp về, hàng quý BHXH huyện thanh, quyết toán cho cơ sở KCB theo quy định.

Căn cứ khoản 21, điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Bảo hiểm y tế năm 2014 sửa đổi, bổ sung Điều 32 “ 1. Việc tạm ứng kinh phí của tổ chức bảo hiểm y tế cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được thực hiện hằng quý như sau:

a) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán quý trước của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, tổ chức bảo hiểm y tế tạm ứng một lần bằng 80% chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo báo cáo quyết toán quý trước của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

b) Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh lần đầu ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế có đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu, được tạm ứng 80% nguồn kinh phí được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo thông báo đầu kỳ của tổ chức bảo hiểm y tế; trường hợp không có đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu, căn cứ số chi khám bệnh, chữa bệnh sau một tháng thực hiện hợp đồng, tổ chức bảo hiểm y tế dự kiến và tạm ứng 80% kinh phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong quý;

2. Việc thanh toán, quyết toán giữa cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và tổ chức bảo hiểm y tế được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 15 ngày đầu mỗi tháng, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế có trách nhiệm gửi bản tổng hợp đề nghị thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế của tháng trước cho tổ chức bảo hiểm y tế; trong thời hạn 15

ngày đầu mỗi quý, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế có trách nhiệm gửi báo cáo quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế của quý trước cho tổ chức bảo hiểm y tế;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán quý trước của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, tổ chức bảo hiểm y tế có trách nhiệm thông báo kết quả giám định và số quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế bao gồm chi phí khám bệnh, chữa bệnh thực tế trong phạm vi quyền lợi và mức hưởng bảo hiểm y tế cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

c) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày thông báo số quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, tổ chức bảo hiểm y tế phải hoàn thành việc thanh toán với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh”;

Tuy nhiên, qua kiểm tra từ năm 2014 đến tháng 9/2019 BHXH huyện Krông Pa thực hiện tạm ứng, thanh quyết toán chi phí KCB BHYT cho TTYT huyện còn chậm thời gian theo quy định cụ thể:

Nội dung	Ngày, tháng, năm BHXH tỉnh cấp	Ngày, tháng, năm BHXH huyện cấp	Số TTYT (đồng)
<b>Năm 2014</b>			<b>1.341.372.782</b>
Chuyển tiền thanh toán KCB quý 4/2013	25/3/2014	4/04/2014	531.231.323
Chuyển từ quý I/2014	26/3/2014	4/04/2014	455.423.000
Chuyển thanh toán Q3 và ứng BS Q4/2014	28/11/2014	28/11/2014	354.718.459
<b>Năm 2015</b>			<b>4.034.850.099</b>
Chuyển tiền thanh toán KCB quý 4/2014	21/3/2015	25/03/2015	876.204.889
Chuyển KP kết dư năm 2014	14/12/2015	24/12/2015	3.158.645.210
<b>Năm 2016</b>			<b>5.423.507.405</b>
Chuyển tiền thanh toán KCB quý 4/2015	03/3/2016	9/03/2016	833.687.574
Chuyển tiền thanh toán KCB quý 1/2016	30/5/2016	2/06/2016	4.468.559
Chuyển tiền thanh toán KCB quý 2/2016	26/8/2016	20/09/2016	277.669.419
Chuyển KP kết dư năm 2015	28/9/2016	17/10/2016	3.160.385.272
Chuyển tiền thanh toán KCB quý 3/2016	08/12/2016	28/12/2016	1.147.296.581
<b>Năm 2017</b>			<b>10.246.076.204</b>
Chuyển tiền thanh toán KCB quý 4/2016	13/4/2017	14/04/2017	3.444.624.819
Chuyển tiền thanh toán KCB quý 1 và Quý 2/2017	24/7/2017	26/07/2017	4.358.335.429
Chuyển tiền thanh toán KCB quý 2/2017	28/9/2017	12/10/2017	506.552.120
Chuyển TƯ bổ sung KCB quý 4 và thanh toán Q3	9/11/2017	24/11/2017	1.936.563.836
<b>Năm 2018</b>			<b>4.904.928.609</b>
Chuyển tiền thanh toán KCB quý 4/2017	04/4/2018	6/04/2018	2.858.777.192
Chuyển tiền thanh toán KCB năm 2017	27/8/2018	28/08/2018	1.814.727.000
Chuyển tiền thanh toán KCB năm 2017		19/11/2018	2.474.417
Chuyển tiền thanh toán KCB Q1 và Q2 năm 2018	04/10/2018	8/10/2018	228.950.000
<b>9 tháng năm 2019</b>			<b>2.724.000.000</b>
Chuyển TƯ KCB quý 1+2+3/2019	4/10/2019	7/10/2019	1.477.000.000
Chuyển TƯ KCB theo dự toán 2019	19/12/2019	20/12/2019	1.247.000.000
<b>Tổng cộng từ 2014 đến 9/2019</b>			<b>28.674.735.099</b>

## 6. Việc cấp kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho các đơn vị trường học:

- Số kinh phí Chăm sóc sức khỏe ban đầu (CSSKBD) BHXH huyện đã nhận nhưng cấp còn thiếu cho các trường Tiểu học và Trung học cơ sở là: 19.026.104đ. Trong đó: Năm học 2016-2017: có 02 trường, Năm học 2017-2018: có 08 trường. Hiện tại số tiền này còn đang gửi tại Tài khoản tiền gửi không kỳ hạn BHXH, số TK: 5007202923166 mở tại NH-NNPTNT huyện Krông Pa.

- Qua kiểm tra từ năm 2014 đến 9 tháng năm 2019 Bảo hiểm xã hội huyện không thực hiện trích bằng 1% tổng số mức đóng BHYT hàng tháng để lại cho các trường theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 17 Thông tư 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính; Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ cụ thể các trường như sau:

STT	Tên đơn vị được hưởng	Số tiền trích 1% tổng số tiền đóng BHYT hàng tháng của cơ sở đóng
<b>I</b>	<b>Năm học 2015- 2016:</b>	<b>23.354.770</b>
1	Cơ sở GD Mầm non (11 trường):	23.354.770
2	Cơ sở giáo dục khác (28 trường):	
<b>II</b>	<b>Năm học 2016- 2017</b>	<b>23.531.893</b>
1	Cơ sở GD Mầm non (14 trường):	23.531.893
2	Cơ sở giáo dục khác (28 trường):	
<b>III</b>	<b>Năm học 2017- 2018:</b>	<b>18.364.900</b>
1	Cơ sở GD Mầm non (09 trường):	18.364.900
2	Cơ sở giáo dục khác (15 trường):	
<b>IV</b>	<b>Năm học 2018- 2019</b>	<b>26.196.852</b>
1	Cơ sở GD Mầm non (03 trường):	26.196.852
2	Cơ sở giáo dục khác (23 trường):	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>91.448.415</b>

## II. Kết quả thanh tra tại TTYT huyện Krông Pa:

### 1. Mua sắm trang thiết bị y tế: (kèm theo biểu mẫu số 9,10, 13,14, 15, 17)

1.1. Năm 2014: đấu thầu 01 gói, đơn vị đã chi và thanh quyết toán 297.800.000đ cụ thể:

Trên cơ sở các phiếu đề xuất mua sắm trang thiết bị y tế của bộ phận chuyên môn lập ngày 01/4/2014; ngày 17/4/2014 Trung tâm y tế huyện tổng hợp nhu cầu mua sắm trang thiết bị y tế năm 2014;

Ngày 23/4/2014 Trung tâm y tế huyện lập tờ trình số 117/TTr-TTYT về việc xin phê duyệt danh mục trang thiết bị y tế của đơn vị năm 2014, ngày 06/5/2014 Sở y tế ban hành công văn số 320/SYT-KHTV phê duyệt danh mục trang thiết bị y tế bao gồm 08 danh mục (có bảng chi tiết kèm theo).

Ngày 15/9/2014 Sở Tài chính ban hành công văn số 1507/STC-CSVG đề nghị phê duyệt danh mục, giá dự toán mua sắm trang thiết bị y tế của TTYT Krông Pa, giá dự toán 299.900.000đ (có bảng chi tiết kèm theo).

Ngày 29/9/2014 UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định 801/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh mục chi tiết, dự toán mua sắm trang thiết bị y tế giá dự toán 299.900.000đ (có bảng chi tiết kèm theo).

Ngày 01/10/2014 Trung tâm y tế huyện có Tờ trình số 331/TT-TTYT, ngày 17/10/2014 UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định 910/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm trang thiết bị y tế với tổng giá trị gói thầu là: 299.900.000đ. Hình thức lựa chọn nhà thầu Chào hàng cạnh tranh, một giai đoạn một túi hồ sơ, thời gian lựa chọn nhà thầu quý IV/2014. Ngày 30/10/2014 Trung tâm y tế huyện ban hành Quyết định số: 93/QĐ-TTYT. Về việc thành lập tổ chuyên gia xét thầu mua trang thiết bị y tế năm 2014.

Trên cơ sở đánh giá hồ sơ dự thầu của Tổ chuyên gia, ngày 28/11/2014 UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số: 1091/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả chào hàng cạnh tranh mua sắm trang thiết bị y tế của TTYT Krông Pa.

1.2. Năm 2015: Tổng kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế, đơn vị đã chi và thanh quyết toán là: 547.471.849đ; trong đó chi tiết 03 gói thầu:

- Gói thầu: Trang thiết bị y tế: 196.110.000đ;
- Gói thầu: Dụng cụ, thiết bị đơn nguyên sơ sinh: 279.000.000đ;
- Gói thầu: Vật tư y tế mau hỏng: 72.361.849đ.

1.3. Năm 2016: Tổng kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế, đơn vị đã chi và thanh quyết toán 224.603.136đ; trong đó chi tiết 04 gói thầu:

- Gói thầu: Trang thiết bị y tế: 99.653.826đ
- Gói thầu: Vật tư mau hỏng: 19.405.070đ
- Gói thầu: Vật tư mau hỏng: 19.024.240đ.
- Gói thầu: Mua sắm dụng cụ chất thải y tế: 86.520.000đ.

1.4. Năm 2017: Tổng kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế, đơn vị đã chi và thanh quyết toán là: 211.327.900đ; trong đó chi tiết 03 gói thầu:

- Gói thầu: Vật tư mau hỏng: 98.114.900đ;
- Gói thầu: Mua sắm dụng cụ chất thải y tế: 19.470.000đ;
- Gói thầu: Trang thiết bị y tế: 93.742.000đ.

1.5. Năm 2018: Tổng kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế, đơn vị đã chi và thanh quyết toán là: 299.044.567đ; trong đó chi tiết 02 gói thầu:

- Gói thầu: Trang thiết bị y tế: 99.830.100đ;
- Gói thầu: Trang thiết bị y tế: 199.214.467đ.

1.6. Chín tháng năm 2019: tổng kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế là: 158.034.930đ; trong đó chi tiết 02 gói thầu:

- Gói thầu: Trang thiết bị y tế: 59.034.938đ
- Gói thầu: Trang thiết bị y tế: 99.000.000đ.

**\* Đánh giá nhận xét việc mua sắm trang thiết bị y tế từ năm 2014 đến tháng 9 năm 2019:**

- Những ưu điểm:

Đơn vị đã thực hiện thủ tục mua sắm trang thiết bị y tế hàng năm đúng theo quy định. Riêng các gói thầu nhỏ lẻ, có giá trị nhỏ hơn 100.000.000đ/gói; thực hiện mua sắm, đấu thầu theo hình thức chỉ định thầu rút gọn theo quy định; có văn bản đề xuất, có chủ trương UBND tỉnh, Sở Y tế và phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

Kế toán đơn vị mở đầy đủ sổ theo dõi tài sản và báo cáo kiểm kê theo quy định. Sau khi mua sắm trang thiết bị nghiệm thu bàn giao và đưa vào sử dụng; Thủ trưởng đơn vị quyết định giao cho các Khoa, phòng, viên chức trực tiếp quản lý và sử dụng đúng mục đích theo đúng quy định.

- *Những tồn tại:*

+ Hàng năm TTYT huyện thực hiện mua sắm trang TBYT, VTYT nhỏ lẻ, cho nên không xây dựng kế hoạch mua sắm trung hạn và dài hạn.

+ Hàng năm đơn vị xây dựng Kế hoạch mua sắm trang thiết bị y tế đều căn cứ vào đề xuất, nhu cầu của các Khoa phòng và các Trạm Y tế xã. Nhưng qua kiểm tra Kế toán đơn vị không cập nhật tại hồ sơ các phiếu đề xuất và nhu cầu sử dụng....

+ Hàng năm, sau khi tiếp nhận, bàn giao trang thiết bị y tế, đơn vị đã lập đầy đủ các thủ tục tiếp nhận, theo dõi nhập, xuất trang thiết bị y tế nhưng thiếu chữ ký Kế toán của đơn vị là không đúng theo qui định tại Quyết định số 19/2006/QĐ- BTC ngày 30/03/2006 của Bộ Tài chính quy định ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (cụ thể năm 2014, 2016, 2018).

+ Thực hiện nghiệm thu và thanh lý hợp đồng các gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế không mời đại diện Sở Y tế là không thực hiện đúng theo văn bản của Sở Y tế cụ thể: (gói thầu 99.653.826đ, Công văn số 190/SYT-KHTC ngày 26/02/2016; gói thầu 93.742.000đ, Công văn số 888/SYT-KHTC ngày 07/8/2017; gói thầu 99.830.100đ, Công văn số 713/SYT-KHTC ngày 07/6/2018; gói thầu 99.000.000đ, Công văn số 931/SYT-KHTC ngày 24/6/2019).

## **2. Mua sắm vật tư y tế, tiêu hao, hóa chất (kèm theo biểu mẫu số 11, 12, 16);**

2.1. Năm 2014: Tổng kinh phí mua sắm vật tư y tế đơn vị đã chi và thanh quyết toán là: 724.277.367đ; trong đó chi tiết:

- Mua vật tư y tế: 518.879.934đ;

- Mua hóa chất và sinh phẩm: 205.397.433đ.

Qua kiểm tra, trong năm 2014 đơn vị không xây dựng kế hoạch và đề xuất phê duyệt danh mục mua sắm vật tư y tế, hóa chất. Trong năm Trung tâm y tế huyện đã chia nhỏ các gói thầu và ban hành 15 Quyết định chỉ định thầu mua vật tư y tế, tiêu hao và hóa chất cho từng đợt mua sắm với giá trị dưới 100.000.000đ, tổng giá trị mua sắm vật tư y tế, hóa chất là 724.277.367đ.

2.2. Năm 2015:

Ngày 16/04/2015 Trung tâm y tế huyện có Tờ trình số 122/TTr-TTYT đề nghị Sở Y tế phê duyệt danh mục mua sắm vật tư y tế năm 2015. Ngày 08/5/2015 Sở Y tế có văn bản số 309/SYT-KHTC về việc Phê duyệt danh mục vật tư y tế với 106 danh mục;

Tổng kinh phí mua sắm vật tư y tế và hóa chất đơn vị đã chi và thanh quyết toán là 873.032.907đ; trong đó mua sắm vật tư y tế: 562.242.479đ, mua hóa chất và sinh phẩm: 310.790.428đ.

Trong năm đơn vị không tổ chức đấu thầu mua sắm vật tư y tế, hóa chất mà đã chia nhỏ các gói thầu, đồng thời ban hành 60 Quyết định chỉ định thầu mua vật tư y tế, tiêu hao và hóa chất cho từng đợt mua sắm với giá trị dưới 100.000.000đ. Tổng số tiền chi trong năm là 873.032.907đ. Ví dụ như:

- Trong tháng 9 chia nhỏ các gói thầu, ban hành 05 Quyết định chỉ định thầu:

+ QĐ số 90/QĐ-TTYT ngày 8/9/2015 số tiền: 19.209.300đ;

- + QĐ số 93a/QĐ-TTYT ngày 13/9/2015 số tiền: 19.648.079đ;
- + QĐ số 94a/QĐ-TTYT ngày 16/9/2015 số tiền: 12.702.185đ;
- + QĐ số 95a/QĐ-TTYT ngày 18/9/2015 số tiền: 16.709.427đ;
- + QĐ số /QĐ-TTYT ngày 22/9/2015 số tiền: 18.324.007đ;
- Trong tháng 11 chia nhỏ các gói thầu, ban hành 05 Quyết định chỉ định thầu:
  - + QĐ số 129/QĐ-TTYT ngày 2/11/2015 số tiền: 10.395.000đ;
  - + QĐ số 133/QĐ-TTYT ngày 11/11/2015 số tiền: 17.732.946đ;
  - + QĐ số 137/QĐ-TTYT ngày 15/11/2015 số tiền: 13.346.865đ;
  - + QĐ số 142/QĐ-TTYT ngày 20/11/2015 số tiền: 19.116.825đ;
  - + QĐ số 143/QĐ-TTYT ngày 21/11/2015 số tiền: 17.739.846đ;
- Trong tháng 12 chia nhỏ, ban hành 03 Quyết định chỉ định thầu:
  - + QĐ số 161a/QĐ-TTYT ngày 7/12/2015 số tiền: 15.016.050đ;
  - + QĐ số 172/QĐ-TTYT ngày 09/12/2015 số tiền: 19.209.300đ;
  - + QĐ số 172/QĐ-TTYT ngày 14/12/2015 số tiền: 8.758.995đ;
- Ngoài ra còn ban hành 11 quyết định chỉ định thầu với tổng số tiền: 153.421.850đ.

### 2.3. Năm 2016:

Ngày 16/02/2016 Trung tâm y tế huyện có Tờ trình số 41/TTr-TTYT đề nghị Sở Y tế phê duyệt danh mục mua sắm vật tư y tế năm 2016; Tờ trình số 42/TTr-TTYT ngày 16/02/2016 đề nghị phê duyệt danh mục mua hóa chất xét nghiệm năm 2016;

Ngày 23/02/2016 Sở Y tế có văn bản số 179/SYT-KHTC về việc Phê duyệt danh mục vật tư y tế của TTYT huyện Krông Pa, với 94 danh mục; văn bản số 180/SYT-KHTC về việc Phê duyệt danh mục hóa chất xét nghiệm, với 27 danh mục;

Ngày 26/4/2016 Trung tâm y tế huyện có Tờ trình số 148/TTr-TTYT trình UBND tỉnh, Sở Tài chính phê duyệt danh mục và giá dự toán mua sắm vật tư y tế năm 2016; UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 về việc phê duyệt danh mục chi tiết, dự toán mua sắm vật tư y tế tiêu hao của TTYT huyện; giá dự toán 718.622.000đ;

Ngày 28/6/2016 Trung tâm y tế huyện có Tờ trình số 238/TTr-TTYT trình UBND tỉnh, Sở Tài chính phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Hình thức lựa chọn nhà thầu Chào hàng cạnh tranh, một giai đoạn một túi hồ sơ, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu là Quý III/2016, thời gian thực hiện hợp đồng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;

Ngày 08/6/2016 Trung tâm y tế huyện ban hành Quyết định số 77/QĐ-TTYT phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua hóa chất xét nghiệm năm 2016, với số tiền 178.940.000đ; ngày 09/6/2016 Trung tâm y tế huyện ban hành quyết định số 80/QĐ-TTYT thành lập tổ chuyên gia xét thầu mua hóa chất xét nghiệm năm 2016;

Ngày 30/6/2016 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 604/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua sắm vật tư y tế tiêu hao năm 2016, với số tiền 718.622.000đ; ngày 26/7/2016 Trung tâm y tế huyện ban hành quyết định số 112/QĐ-TTYT thành lập tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu mua sắm vật tư y tế tiêu hao năm 2016;

Ngày 01/8/2016 Trung tâm y tế huyện ban hành Quyết định số 116/QĐ-TTYT phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trúng thầu: Liên doanh nhà thầu Khang Thanh Phát-Bình Minh, giá trúng thầu là 699.897.620đ.

Năm 2016 TTYT huyện đã thực hiện đấu thầu 02 gói thầu, hình thức chào hàng cạnh tranh thông thường trong nước, tổng giá trị đã mua 745.139.620đ.

Trong thời gian không tổ chức triển khai đấu thầu. Trung tâm y tế huyện đã chia nhỏ các gói thầu, ban hành 53 Quyết định chỉ định thầu mua vật tư y tế, tiêu hao và hóa chất cho từng đợt mua sắm với giá trị dưới 100.000.000đ, tổng giá trị 947.850.436đ, ví dụ như:

- Trong tháng 01 chia nhỏ các gói thầu, ban hành 06 Quyết định chỉ định thầu:
  - + QĐ số 06a/QĐ-TTYT ngày 12/1/2016 số tiền: 17.813.145đ;
  - + QĐ số 11/QĐ-TTYT ngày 18/1/2016 số tiền: 16.408.694đ;
  - + QĐ số 10/QĐ-TTYT ngày 18/1/2016 số tiền: 5.800.000đ;
  - + QĐ số 12a/QĐ-TTYT ngày 18/1/2016 số tiền: 13.823.250đ;
  - + QĐ số 05/QĐ-TTYT ngày 5/1/2016 số tiền: 12.006.750đ;
  - + QĐ số 06/QĐ-TTYT ngày 5/1/2016 số tiền: 11.677.730đ;
- + Tương tự trong tháng 3 ban hành 10 Quyết định chỉ định thầu số tiền 122.106.964đ; tháng 6 và tháng 7 ban hành 15 Quyết định chỉ định thầu số tiền 252.164.922đ.

#### 2.4. Năm 2017:

Ngày 07/02/2017 Trung tâm y tế huyện có Tờ trình số 254/TTr-TTYT đề nghị Sở Y tế phê duyệt danh mục mua sắm vật tư y tế năm 2017;

Ngày 14/6/2017 Sở Y tế có văn bản số 619/SYT-KHTC về việc Phê duyệt danh mục vật tư y tế tiêu hao của TTYT huyện Krông Pa, với 113 danh mục;

Ngày 12/6/2017 Trung tâm y tế huyện ban hành Quyết định số 77/QĐ-TTYT về việc phê duyệt dự toán mua sắm vật tư y tế tiêu hao năm 2017; giá dự toán 1.905.157.500đ;

Ngày 20/6/2017 Trung tâm y tế huyện ban hành quyết định số 82/QĐ-TTYT phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Hình thức lựa chọn nhà thầu Chào hàng cạnh tranh thông thường trong nước, một giai đoạn một túi hồ sơ, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu là từ tháng 6 và 7/2017, thời gian thực hiện hợp đồng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; ngày 27/6/2017 Trung tâm y tế huyện ban hành Quyết định số 86/QĐ-TTYT thành lập tổ thẩm định hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu mua sắm vật tư y tế tiêu hao năm 2017;

Ngày 03/7/2017 Trung tâm y tế huyện ban hành quyết định số 90/QĐ-TTYT phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh trong nước gói thầu mua sắm vật tư y tế tiêu hao năm 2017;

Ngày 04/7/2017 Trung tâm y tế huyện ban hành quyết định số 94/QĐ-TTYT thành lập tổ chuyên gia xét thầu mua sắm vật tư y tế tiêu hao năm 2017;

Ngày 31/7/2017 Trung tâm y tế huyện ban hành quyết định số 105/QĐ-TTYT phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trúng thầu: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Gia Lai, giá trúng thầu là 1.229.454.250đ.

Năm 2017 TTYT huyện đã thực hiện đấu thầu 02 gói thầu, hình thức chào hàng cạnh tranh thông thường trong nước, tổng giá trị đã mua 992.554.994đ, ngoài ra

chỉ định 12 gói thầu, giá trị 114.880.500đ. Việc mua sắm thực hiện đúng quy định của luật đấu thầu.

#### 2.5. Năm 2018-2019:

Ngày 04/6/2018 Trung tâm y tế huyện có Tờ trình số 148/TTr-TTYT đề nghị Sở Y tế phê duyệt danh mục mua sắm hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm năm 2018-2019; Tờ trình số 179/TTr-TTYT ngày 26/6/2018 đề nghị phê duyệt danh mục mua sắm vật tư y tế tiêu hao năm 2018-2019;

Ngày 21/6/2018 Sở Y tế có văn bản số 799/SYT-KHTC về việc Phê duyệt danh mục mua sắm hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm của TTYT huyện Krông Pa, với 41 danh mục;

Ngày 14/6/2018 Sở Y tế có văn bản số 898/SYT-KHTC về việc Phê duyệt danh mục vật tư y tế tiêu hao của TTYT huyện Krông Pa, với 106 danh mục;

Ngày 12/6/2018 Trung tâm y tế huyện ban hành Quyết định số 85/QĐ-TTYT về việc phê duyệt dự toán mua sắm vật tư y tế tiêu hao năm 2018; giá dự toán 1.893.934.200đ;

Ngày 02/7/2018 Trung tâm y tế huyện ban hành Quyết định số 79/QĐ-TTYT về việc phê duyệt dự toán mua sắm hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm năm 2018; giá dự toán 1.045.557.000đ;

Ngày 11/7/2018 Trung tâm y tế huyện có Tờ trình số /TTr-TTYT đề nghị Giám đốc TTYT phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm năm 2018-2019;

Ngày 08/8/2018 Trung tâm y tế huyện có Tờ trình số /TTr-TTYT đề nghị Giám đốc TTYT phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm vật tư y tế tiêu hao năm 2018-2019;

Ngày 10/7/2018 Trung tâm y tế huyện ban hành quyết định số 81/QĐ-TTYT thành lập tổ chuyên gia đấu thầu mua sắm hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm năm 2018;

Ngày 31/7/2018 Trung tâm y tế huyện ban hành quyết định số 87/QĐ-TTYT thành lập tổ chuyên gia xét thầu mua sắm vật tư y tế tiêu hao năm 2018;

Ngày 16/7/2018 Trung tâm y tế huyện ban hành quyết định số 83/QĐ-TTYT phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm; Hình thức lựa chọn nhà thầu Chào hàng cạnh tranh thông thường trong nước, một giai đoạn một túi hồ sơ, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu là từ quý III/2018, thời gian thực hiện hợp đồng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;

Ngày 13/8/2018 Trung tâm y tế huyện ban hành quyết định số 145/QĐ-TTYT phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm vật tư y tế tiêu hao; Hình thức lựa chọn nhà thầu Chào hàng cạnh tranh thông thường trong nước, một giai đoạn một túi hồ sơ, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu là từ quý III/2018, thời gian thực hiện hợp đồng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;

Ngày 31/7/2018 Trung tâm y tế huyện ban hành quyết định số 87/QĐ-TTYT thành lập tổ chuyên gia đấu thầu mua sắm vật tư y tế tiêu hao năm 2018;

Ngày 16/8/2018 Trung tâm y tế huyện ban hành quyết định số 147/QĐ-TTYT phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trúng thầu mua sắm hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm: Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu vật tư thiết bị y tế Trang Minh Hạnh, giá trúng thầu là 1.038.877.100đ.

Ngày 14/9/2018 Trung tâm y tế huyện ban hành quyết định số 176/QĐ-TTYT phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trúng thầu mua sắm vật tư y tế tiêu hao, giá trúng thầu cả gói thầu là 1.588.819.350đ cụ thể:

- Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Y tế Gia Lai: 32.100.600đ;
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế Thanh Lộc Phát: 1.284.683.750đ;
- Công ty TNHH XNK vật tư thiết bị y tế Trang Minh Hạnh: 272.035.000đ.

Năm 2018-2019 đơn vị thực hiện đấu thầu 02 gói thầu, hình thức chào hàng cạnh tranh thông thường trong nước, tổng giá trị đã mua 1.540.759.230đ, ngoài ra chỉ định 10 gói thầu, giá trị 261.902.000đ. Việc mua sắm thực hiện đúng quy định của luật đấu thầu.

**\* Đánh giá nhận xét:**

Qua kiểm tra hồ sơ mua sắm vật tư y tế, tiêu hao, hóa chất từ năm 2014 đến tháng 9 năm 2019, đơn vị đã thể hiện đầy đủ các thủ tục như: dự trù, báo giá, hợp đồng, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng, hóa đơn, chứng từ đảm bảo theo quy định của luật đấu thầu. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại như sau:

- Năm 2014 đến năm 2016 đơn vị đã ban hành nhiều Quyết định tự chia nhỏ các gói thầu, đồng thời áp dụng chỉ định thầu cho từng đợt mua sắm với giá trị dưới 100.000.000 đồng. Theo qui định tại Điều 22 Luật đấu thầu năm 2013 thì việc mua vật tư y tế, tiêu hao và hóa chất của Trung tâm y tế huyện không thuộc trường hợp chỉ định thầu. Căn cứ điểm k, khoản 6, Điều 89 Luật đấu thầu năm 2013 các hành vi bị cấm trong đấu thầu "*Chia nhỏ dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu trái với quy định nhằm mục đích chỉ định thầu hoặc hạn chế sự tham gia của các nhà thầu*"

- Từ năm 2017 đến tháng 9 năm 2019 đơn vị đã thực hiện mua sắm đảm bảo đúng theo quy định của luật đấu thầu.

- Qua kiểm tra các năm có một số biên bản họp của Hội đồng thuốc - điều trị các thành phần có liên quan, chưa thể hiện đầy đủ các chữ ký theo quy định tại Thông tư số 21/2013/TT-BYT ngày 08/08/2013 của Bộ Y tế, quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thuốc và điều trị trong bệnh viện.

- Một số chứng từ ghi ngày dự trù lập chưa phù hợp với hợp đồng.

**3. Về công tác thực hiện đấu thầu thuốc khám chữa bệnh:** (kèm theo biểu mẫu số 1 đến số 5; từ 18 đến 23):

**3.1. Năm 2014:**

Ngày 27/8/2014 Bệnh viện tỉnh ban hành Quyết định số: 359/QĐ-BVT về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu số 1- thuốc Generic có 573 danh mục với giá trúng thầu số tiền 105.076.573.090đ của Bệnh viện tỉnh năm 2014. Quyết định số: 299/QĐ-BVT ngày 29/7/2014 về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu số 2. Quyết định số: 799/QĐ-BVT ngày 08/9/2014 về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu số 3,

- Ngày 03/9/2014 Trung tâm y tế huyện có Tờ trình số 277/TTr-TTYT đề nghị Sở Y tế phê duyệt kế hoạch mua sắm các mặt hàng thuốc theo kết quả trúng thầu của Bệnh viện tỉnh; với tổng dự toán 3.979.513.205đ bao gồm:

+ Gói thầu số 1 - thuốc Generic có 123 danh mục cần mua với giá gói thầu 3.569.813.405đ;

+ Gói thầu số 2- thuốc biệt dược có 5 danh mục cần mua với giá gói thầu 103.056.800đ;

+ Gói thầu số 3 - thuốc đông y, từ dược liệu có 12 danh mục cần mua với giá gói thầu 306.643.000đ;

- Ngày 08 tháng 9 năm 2014 Sở Y tế ban hành Quyết định số: 799/QĐ-SYT phê duyệt kế hoạch mua sắm các mặt hàng thuốc của các cơ sở y tế không tự tổ chức đấu thầu trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo kết quả trúng thầu của Bệnh viện tỉnh; với tổng dự toán số tiền là: 135.151.578.649đ; gồm:

+ Gói thầu số 1 - thuốc Generic có 520 danh mục phải mua, với giá gói thầu là: 102.270.343.394đ;

+ Gói thầu số 2 - thuốc biệt dược có 54 danh mục phải mua, với giá gói thầu số tiền là: 11.224.567.755đ;

+ Gói thầu số 3 - thuốc đông y, từ dược liệu có 30 danh mục với giá gói thầu số tiền là: 21.656.500đ; triển khai ký kết hợp đồng với các nhà thầu trúng thầu theo quy định.

### 3.2. Năm 2015:

- Ngày 19/6/2015 Sở Y tế ban hành Công văn số: 538/SYT-VND. Về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch nhu cầu thuốc sử dụng năm 2015; theo đó giao cho Bệnh viện tỉnh tổ chức đấu thầu mua thuốc cho Bệnh viện; các đơn vị trực thuộc Sở Y tế, các cơ sở y tế đứng chân trên địa bàn có ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế mà không tổ chức đấu thầu thì được áp dụng kết quả trúng thầu của BVĐK tỉnh để mua thuốc theo hình thức mua sắm trực tiếp.

- Ngày 06/10/2015 Sở Y tế có Công văn số 985/SYT-VND. Về việc đôn đốc các cơ sở y tế triển khai xây dựng kế hoạch mua thuốc; sau đó Trung tâm y tế huyện đã triển khai các bước để tiến hành xây dựng kế hoạch nhu cầu sử dụng thuốc năm 2015;

- Ngày 08/10/2015 Bệnh viện tỉnh ban hành Quyết định số: 361/QĐ-BVT. Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn thầu. Gói thầu số 1- thuốc Generic; gói thầu số 2- thuốc biệt dược; gói thầu số 3;

- Ngày 03/12/2015 UBND tỉnh ban hành Quyết định số: 1116/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch mua thuốc năm 2015 của các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh; trong đó Trung tâm y tế huyện Krông Pa với tổng dự toán số tiền 4.669.196.890đ; bao gồm: gói thầu số 1- thuốc Generic có 137 danh mục với giá gói thầu số tiền 4.332.855.370đ; gói thầu số 2- thuốc biệt dược có 03 danh mục với giá gói thầu số tiền 32.341.520đ; gói thầu số 3- thuốc đông y, từ dược liệu có 15 danh mục với giá gói thầu số tiền 304.000.000đ. Đơn vị triển khai ký kết hợp đồng với các nhà thầu đã trúng thầu đảm bảo đúng theo quy định.

### 3.3. Năm 2016:

- Ngày 07/10/2016 Sở Y tế ban hành Công văn số 1411/SYT-VND. Về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch nhu cầu thuốc sử dụng năm 2016; theo đó giao cho Bệnh viện tỉnh tổ chức đấu thầu mua thuốc cho Bệnh viện; các đơn vị trực thuộc Sở Y tế, các cơ sở y tế đứng chân trên địa bàn có ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế mà không tổ chức đấu thầu được áp dụng kết quả trúng thầu của Bệnh viện đa khoa tỉnh để mua thuốc theo hình thức mua sắm trực tiếp;

- Ngày 31/10/2016 TTYT huyện ban hành Quyết định số 148/QĐ-TTYT về việc phê duyệt danh mục, số lượng thuốc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc gồm 172 danh mục, với 3 gói thầu, với giá theo kế hoạch số tiền là: 5.568.964.425đ;

- Ngày 02/12/2016 Trung tâm y tế huyện có Tờ trình số 467/TTr-TTYT về việc điều chỉnh lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc năm 2016;

- Ngày 01/12/2016 TTYT huyện ban hành Quyết định số 175/QĐ-TTYT về việc phê duyệt danh mục, số lượng thuốc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc gồm 133 danh mục, với 3 gói thầu, với giá theo kế hoạch số tiền là: 2.725.067.175đ;

- Ngày 19/12/2016 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1112/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp thuốc năm 2016 của các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh; trong đó Trung tâm y tế huyện Krông Pa với tổng dự toán 2.725.067.175đ; bao gồm: gói thầu số 1-thuốc Generic có 122 danh mục với giá gói thầu 2.606.679.275đ; gói thầu số 2- thuốc biệt dược: có 03 danh mục với giá gói thầu 15.757.900đ; gói thầu số 3- thuốc đông y, từ dược liệu có 08 danh mục với giá gói thầu 102.630.000đ;

- Ngày 13/01/2017 TTYT huyện ban hành Quyết định số 10/QĐ-TTYT. Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói số 1 có 120 danh mục, giá trúng thầu 2.603.039.275đ; Quyết định số: 11/QĐ-TTYT phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói số 2 có 03 danh mục, giá trúng thầu 15.757.000đ; Quyết định số: 12/QĐ-TTYT phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói số 3 có 08 danh mục, giá trúng thầu là: 102.630.000đ. Đơn vị triển khai ký kết hợp đồng với các nhà thầu đã trúng thầu đảm bảo đúng theo quy định.

#### *3.4. Giai đoạn năm 2017-2018 và năm 2019-2020:*

Theo chỉ đạo của UBND tỉnh, các năm 2017-2018 và năm 2018-2019 giao Bệnh viện tỉnh tổ chức đấu thầu mua thuốc cho Bệnh viện tỉnh và là đầu mối đấu thầu tập trung; các đơn vị trực thuộc Sở Y tế, các cơ sở y tế đứng chân trên địa bàn có ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh BHYT với cơ quan BHXH trên địa bàn tỉnh thì áp dụng kết quả lựa chọn nhà thầu của Bệnh viện tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, để mua thuốc theo hình thức mua sắm trực tiếp theo quy định về đấu thầu. Qua kiểm tra 02 năm tại TTYT huyện cụ thể:

##### *\* Giai đoạn năm 2017-2018:*

- Ngày 30/03/2017 Sở Y tế ban hành Công văn số: 297/SYT-VND. Về việc các cơ sở y tế xây dựng kế hoạch cung ứng thuốc để đấu thầu tập trung;

- Ngày 16/10/2017 Sở Y tế ban hành Công văn số 1194/SYT-VND và Công văn số 1244/SYT-VND ngày 30/10/2017. về việc phân bổ nhu cầu và kế hoạch sử dụng thuốc cho các cơ sở y tế tham gia mua thuốc tập trung; kế hoạch sử dụng thuốc đối với 08 mặt hàng mua thuốc tập trung.

Ngày 26/4/2017 TTYT huyện báo cáo số 188/BC-TTYT về việc thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tình hình sử dụng thuốc năm 2016 và giải trình danh mục, số lượng thuốc năm 2017-2018;

Trên cơ sở các Văn bản hướng dẫn và các Quyết định của Sở Y tế phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; TTYT huyện ban hành Quyết định số 51/QĐ-TTYT ngày 26/4/2017. Về việc phê duyệt danh mục, số lượng thuốc để đấu thầu tập trung năm 2017-2018 gồm 219 danh mục, với 3 gói thầu. Đơn vị triển khai ký kết hợp đồng với các nhà thầu đã trúng thầu đảm bảo đúng theo quy định.

##### *\* Giai đoạn năm 2019-2020:*

- Ngày 26/3/2018 Sở Y tế ban hành Công văn số 303/SYT-VND. Về việc xây dựng Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương năm 2019-2020;

- Ngày 15/5/2018 Sở Y tế ban hành Công văn số 576/SYT-VND. Về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch cung ứng thuốc đấu thầu tập trung năm 2019-2020;

Ngày 15/5/2018 sở Y tế ban hành Quyết định số 375/QĐ-SYT. Về việc phê duyệt danh mục thuốc đấu thầu tập trung để cấp cho các địa phương năm 2019-2020; Trên cơ sở các Quyết định của Sở Y tế về phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; TTYT huyện ban hành Quyết định số: 40/QĐ-TTYT ngày 30/5/2018 về việc phê duyệt danh mục, số lượng thuốc để đấu thầu tập trung năm 2019-2020 gồm 252 danh mục, với 3 gói thầu; Đơn vị triển khai ký kết hợp đồng với các nhà thầu đã trúng thầu đảm bảo đúng theo quy định.

**\* Đánh giá nhận xét:**

Qua kiểm tra hồ sơ đấu thầu thuốc khám chữa bệnh từ năm 2014 đến tháng 9 năm 2019, đơn vị đã thực hiện đảm bảo theo quy định của luật đấu thầu; tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại:

Tại Phiếu chi ngày 08/9/2015 số tiền 44.855.899đ, thể hiện hợp đồng số 107 ngày 03/8/2015, số hóa đơn 26376 ngày 14/7/2015. Như vậy phiếu chi, hợp đồng và hóa đơn không phù hợp về thời gian là sai quy định. Đề nghị xuất toán số tiền 44.855.899đ (*kèm theo biên bản làm việc*).

Một số biên bản họp của Hội đồng thuốc - điều trị; các thành phần có liên quan thể hiện chữ ký chưa đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 21/2013/TT-BYT ngày 08/08/2013 của Bộ Y tế. Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thuốc và điều trị trong bệnh viện.

\* Tổng số tiền thực hiện đấu thầu thuốc khám chữa bệnh từ năm 2014 đến 9/2019 có sai phạm xuất toán là: 44.855.899đ (*Bốn mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi lăm ngàn, tám trăm chín mươi chín đồng*).

**4. Kiểm tra việc thanh, quyết toán tiền khám sức khỏe theo định kỳ cán bộ huyện: từ năm 2014 đến năm 2019:**

Từ khi có chủ trương chung, hàng năm Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của huyện phối hợp với Trung tâm Y tế huyện tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ thuộc đối tượng khám theo qui định. Qua kiểm tra, trên cơ sở hồ sơ thanh quyết toán khám sức khỏe theo định kỳ cán bộ từ năm 2014 đến năm 2019, Đoàn thanh tra xác định năm 2015 TTYT huyện đã hợp đồng với Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ huyện thực hiện thăm khám và được Huyện ủy thanh toán tiền khám sức khỏe cho 417 cán bộ với số tiền là: 55.057.000đ (Phiếu chi số 007 ngày 04/02/2016). Tuy nhiên, đơn vị cũng đã thanh quyết toán BHYT cho một số đối tượng cán bộ khám sức khỏe (trùng lặp) với số tiền là: 9.994.701đ (*có danh sách kèm theo*). Căn cứ khoản 1 và khoản 3, Điều 23 Luật BHYT năm 2008 quy định các trường hợp không được hưởng bảo hiểm y tế "*Chi phí trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 21 đã được ngân sách nhà nước chi trả; khám sức khỏe*". Như vậy đơn vị đã thực hiện sai qui định. Xuất toán thu hồi số tiền là: 9.994.701đ.

**5. Thực hiện các kết luận của cấp trên:**

5.1. Tại Kết luận kiểm tra số 1512/KL-BHXH ngày 04/11/2017 của Giám đốc BHXH tỉnh Gia Lai. Kết luận kiểm tra việc thực hiện chính sách BHYT tại TTYT huyện Krông Pa năm 2016. Nội dung:

- Việc áp giá dịch vụ kỹ thuật chưa đúng theo Thông tư 37/2015/TT-BYT ngày 29/10/2015 của Bộ Y tế;

- Không ghi trong phiếu vào viện các kết quả cận lâm sàng của những bệnh nhân khám bệnh ngoại trú và có chỉ định vào điều trị nội trú.

- Việc đưa dữ liệu lên Hệ thống tin giám định BHYT không thực hiện thường xuyên ngay khi kết thúc đợt điều trị ngoại trú và nội trú, nên sự phối hợp với cơ quan BHXH chưa được kịp thời trong việc chỉnh sửa sai sót.

- Việc đưa file XML3 chưa đúng tên theo danh mục thuốc đã chuẩn hóa nên dữ liệu bị cảnh báo, xuất toán tự động.

- Từ chối thanh toán chi phí KCB BHYT gồm 12 lượt người với số tiền 2.646.844đ.

#### 5.2. Việc thực hiện xử lý sau kết luận của kiểm toán:

Ngày 11/11/2016 UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 832/QĐ-UBND về Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị công lập trực thuộc Sở Y tế năm 2016.

Ngày 23/10/2017 Sở Y tế có Thông báo số 269/TB-SYT nộp trả ngân sách nhà nước năm 2016 khi áp dụng Thông tư số: 37/2015/TT-BYT của Bộ Y tế; Ngày 28/11/2017 Trung tâm Y tế huyện Krông Pa trích chuyển từ tài khoản 3712.2.1099121.00000 tại Kho bạc huyện, đơn vị sử dụng nguồn thu viện phí + bảo hiểm y tế năm 2017 nộp trả ngân sách nhà nước số tiền 345.568.470đ.

Năm 2016 đơn vị đã chi 2,5 tháng tiền lương viên chức làm điều trị trực tiếp (tháng 10, 11,12). Có bảng lương kèm theo.

**6. Kết quả tổng hợp chung:** Như vậy qua thanh tra tổng số tiền sai phạm xuất toán từ năm 2014 đến tháng 9 năm 2019 là: **54.850.600đ (Năm mươi tư triệu, tám trăm năm mươi ngàn, sáu trăm đồng)** cụ thể:

- Chi mua thuốc khám chữa bệnh năm 2015 sử dụng hóa đơn không phù hợp số tiền: 44.855.899đ.

- Chi trùng lập chế độ khám sức khỏe cán bộ năm 2015: 9.994.701đ;

### III. Đánh giá, nhận xét chung:

#### 1. Ưu điểm:

##### \* Đối với BHXH huyện:

Trong thời gian qua BHXH huyện thực hiện tốt chính sách KCB BHYT. Chủ động, tích cực phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các xã tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân trên địa bàn về BHYT giúp nhân dân hiểu rõ những quyền và lợi ích khi tham gia BHYT.

Hàng năm, BHXH huyện ký kết hợp đồng KCB BHYT với Trung tâm y tế huyện đảm bảo thời gian theo quy định của pháp luật BHYT; thể hiện nội dung hợp đồng đầy đủ theo hướng dẫn của BHXH Việt Nam.

##### \* Đối với TTYT huyện:

Qua các năm Đơn vị đã thực hiện mua sắm trang thiết bị y tế đúng theo quy định. Riêng các gói thầu nhỏ lẻ, có giá trị nhỏ hơn 100.000.000đ/gói; thực hiện mua sắm, đấu thầu theo hình thức chỉ định thầu rút gọn đúng theo quy định; có văn bản đề xuất và có chủ trương của UBND tỉnh, Sở Y tế và phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

Việc thực hiện công tác đấu thầu thuốc khám chữa bệnh, cơ bản đơn vị đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về đấu thầu và văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Y tế đảm bảo kịp thời phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh của đơn vị.

Trong thời gian qua Lãnh đạo TTYT huyện đã có nhiều cố gắng và nỗ lực trong quản lý, sử dụng quỹ KCB BHYT đảm bảo kịp thời, đúng theo quy định. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn tồn tại hạn chế.

## **2. Tồn tại hạn chế:**

### **\* Đối với BHXH huyện:**

Qua kiểm tra hàng năm từ năm 2014 đến 9 tháng năm 2019 BHXH huyện thực hiện tạm ứng, thanh quyết toán chi phí KCB BHYT cho TTYT huyện còn chậm theo quy định.

Hàng năm việc cấp kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho các đơn vị trường chưa đảm bảo đúng theo quy định.

Bảo hiểm xã hội huyện không thực hiện trích để lại cho các trường học bằng 1% tổng số mức đóng BHYT hàng tháng của cơ sở đóng theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 17 Thông tư số: 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính; Nghị định số: 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ.

Hồ sơ quyết toán KP KCB BHYT sắp xếp chưa khoa học, cập nhật chứng từ chưa gọn gàng, cho nên đơn vị cung cấp hồ sơ còn chậm, chưa kịp thời.

### **\* Đối với TTYT huyện:**

Hội đồng thuốc và điều trị chưa phân tích ABC là phương pháp phân tích tương quan giữa lượng thuốc tiêu thụ hàng năm và chi phí nhằm phân định ra những thuốc nào chiếm tỷ lệ lớn trong ngân sách cho thuốc của bệnh viện; chưa phân tích VEN là phương pháp giúp xác định ưu tiên cho hoạt động mua sắm và tồn trữ thuốc trong bệnh viện khi nguồn kinh phí không đủ để mua toàn bộ các loại thuốc như mong muốn.

Hội đồng thuốc - điều trị chưa phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong hội đồng; hàng năm chưa thực hiện sơ kết, tổng kết và báo cáo định kỳ 6 tháng, 12 tháng theo quy định.

Hồ sơ sắp xếp chưa khoa học, trong quá trình thanh tra đơn vị cung cấp hồ sơ còn chậm, chưa kịp thời.

Qua thanh tra, xác định từ năm 2014 đến năm 2016 TTYT huyện không thực hiện đấu thầu mua vật tư y tế, tiêu hao và hóa chất, đơn vị đã chia nhỏ các gói thầu để chỉ định thầu. Theo qui định tại Điều 22 Luật đấu thầu năm 2013 thì việc mua vật tư y tế, tiêu hao và hóa chất của Trung tâm y tế huyện không thuộc trường hợp chỉ định thầu. Căn cứ điểm k, khoản 6, Điều 89 Luật đấu thầu năm 2013 các hành vi bị cấm trong đấu thầu "*Chia nhỏ dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu trái với quy định nhằm mục đích chỉ định thầu hoặc hạn chế sự tham gia của các nhà thầu*".

Đơn vị không xây dựng kế hoạch mua sắm trung hạn và dài hạn về đầu tư mua sắm trang TBYT, VTYT, tiêu hao hóa chất để làm căn cứ xác định nhu cầu mua sắm hàng năm là không đúng theo Điều 61, Nghị định số: 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ.

- Không ghi trong phiếu vào viện các kết quả cận lâm sàng của những bệnh nhân khám bệnh ngoại trú và có chỉ định vào điều trị nội trú (năm 2016).

- Việc đưa dữ liệu lên Hệ thống thông tin Giám định BHYT không thực hiện thường xuyên ngay khi kết thúc đợt điều trị ngoại trú hoặc nội trú, nên sự phối hợp với cơ quan BHXH chưa được kịp thời trong việc chỉnh sửa sai sót.

- Việc đưa file XML3 chưa đúng tên theo danh mục thuốc đã chuẩn hóa nên dữ liệu bị cảnh báo, xuất toán tự động.

## **C. KẾT LUẬN:**

### **I. Cơ sở pháp lý để áp dụng:**

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật đấu thầu năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 105/2014/NDD-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT;
- Căn cứ Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;
- Căn cứ Nghị định số 146/2018/NDD-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT;
- Căn cứ Thông tư số 21/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 của Bộ Y tế quy định về quy chế hoạt động của Hội đồng thuốc và Điều trị;
- Căn cứ Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện BHYT;
- Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/03/2016 của Bộ Tài chính quy định quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;
- Căn cứ Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; các văn bản hiện hành khác.

## **II. Kết luận:**

### **1. Đối với BHXH huyện:**

1.1. Việc tạm ứng, thanh quyết toán tiền chi KCB BHYT cho TTYT huyện:

Qua công tác thanh tra từ năm 2014 đến tháng 9/2019 BHXH huyện Krông Pa thực hiện tạm ứng, thanh quyết toán chi phí KCB BHYT cho TTYT huyện còn chậm thời gian, chưa đảm bảo kịp thời đúng theo quy định khoản 21, Điều 1, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật BHYT năm 2014;

1.2. Việc cấp kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho các trường:

- Số kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu BHXH huyện đã nhận nhưng cấp còn thiếu cho các trường Tiểu học cơ sở, Trung học cơ sở số tiền là: **19.026.104đ** (Năm học 2016-2017: 02 trường, Năm học 2017-2018: 08 trường).

- Qua kiểm tra từ năm 2014 đến tháng 9/2019 Bảo hiểm xã hội huyện không thực hiện trích để lại cho các trường bằng 1% tổng số mức đóng BHYT hàng tháng của cơ sở đã đóng theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 17 Thông tư 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính; Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ. Tổng số tiền **91.448.415đ** (kèm theo danh sách các trường).

## 2. Đối với TTYT huyện:

### 2.1 Xuất toán thu hồi số tiền sai phạm nộp vào ngân sách huyện:

Căn cứ Thông tư số: 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định số: 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ;

Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 23 Luật BHYT năm 2008 quy định các trường hợp không được hưởng bảo hiểm y tế "*Chi phí trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 21 đã được ngân sách nhà nước chi trả; khám sức khỏe*".

Giám đốc TTYT huyện Krông Pa, chịu trách nhiệm thu hồi số tiền sai phạm là: **54.850.600đ (Năm mươi tư triệu, tám trăm năm mươi ngàn, sáu trăm đồng)** cụ thể:

- Chi đấu thầu thuốc khám chữa bệnh năm 2015 sử dụng hóa đơn không phù hợp số tiền: 44.855.899đ.

- Chi trùng lập chế khám sức khỏe cán bộ năm 2015 là: 9.994.701đ;

### 2.2. Mua sắm trang thiết bị y tế:

TTYT huyện đã thực hiện mua sắm trang thiết bị y tế hàng năm đúng theo quy định. Riêng các gói thầu nhỏ lẻ, có giá trị nhỏ hơn 100.000.000đ/gói; thực hiện mua sắm, đấu thầu theo hình thức chỉ định thầu rút gọn theo quy định;

### 2.3 Mua sắm vật tư y tế, tiêu hao, hóa chất:

- Qua thanh tra từ năm 2014 đến năm 2016 TTYT huyện không thực hiện đấu thầu mua vật tư y tế, tiêu hao và hóa chất, đơn vị đã chia nhỏ các gói thầu để chỉ định thầu. Theo qui định tại Điều 22 Luật đấu thầu năm 2013 thì việc mua vật tư y tế, tiêu hao và hóa chất của Trung tâm y tế huyện không thuộc trường hợp chỉ định thầu. Căn cứ điểm k, khoản 6, Điều 89 Luật đấu thầu năm 2013 các hành vi bị cấm trong đấu thầu "*Chia nhỏ dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu trái với quy định nhằm mục đích chỉ định thầu hoặc hạn chế sự tham gia của các nhà thầu*" cụ thể như:

+ Năm 2014 đã chia nhỏ các gói thầu, ban hành 15 Quyết định chỉ định thầu mua vật tư y tế, tiêu hao và hóa chất cho từng đợt mua sắm với giá trị dưới 100.000.000đ, tổng giá trị 724.277.367đ.

+ Năm 2015, đã chia nhỏ các gói thầu, ban hành 60 Quyết định chỉ định thầu mua vật tư y tế, tiêu hao và hóa chất cho từng đợt mua sắm với giá trị dưới 100.000.000đ, tổng giá trị 873.032.907đ.

+ Năm 2016, đã chia nhỏ các gói thầu, ban hành 53 Quyết định chỉ định thầu mua vật tư y tế, tiêu hao và hóa chất cho từng đợt mua sắm với giá trị dưới 100.000.000đ, tổng giá trị 947.850.436đ.

- Từ năm 2017 đến tháng 9 năm 2019 đơn vị đã thực hiện mua sắm đảm bảo đúng theo quy định của luật đấu thầu.

### 2.4. Về công tác thực hiện đấu thầu thuốc khám chữa bệnh:

Qua thanh tra việc thực hiện công tác đấu thầu thuốc khám chữa bệnh đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về đấu thầu và văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Y tế trong công tác đấu thầu đảm bảo kịp thời phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh của đơn vị.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh là đơn vị được giao làm đầu mối tổ chức đấu thầu thuốc tập trung của tỉnh, TTYT huyện Krông Pa căn cứ vào kết quả đấu thầu của Bệnh viện Đa khoa tỉnh để mua thuốc. Tuy nhiên còn tồn tại hạn chế như: sử dụng hóa đơn không phù hợp; một số biên bản họp của Hội đồng thuốc-điều trị; các thành

phần có liên quan ký chưa đầy đủ chữ ký theo quy định tại Thông tư số 21/2013/TT-BYT ngày 08/08/2013 của Bộ Y tế Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thuốc và điều trị trong bệnh viện. Ngoài ra đơn vị lập dự trù mua thuốc chưa phù hợp ngày hợp đồng mua thuốc.

#### **D. XỬ LÝ SAU THANH TRA:**

##### **1. Đề nghị Sở Y tế:**

Chỉ đạo Giám đốc TTYT huyện Krông Pa kiểm điểm trách nhiệm để rút kinh nghiệm vì để xảy ra các sai phạm nêu trên; điểm điểm các cá nhân có liên quan; đồng thời khắc phục kịp thời những tồn tại, hạn chế đã phân tích ở phần trên của kết luận. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với các đơn vị trực thuộc;

Hàng năm, Sở Y tế nên tổ chức đấu thầu tập trung mua sắm trang thiết bị y tế, vật tư y tế cho các TTYT huyện.

##### **2. Đề nghị Bảo hiểm Xã hội tỉnh:**

Chỉ đạo Giám đốc BHXH huyện và các cá nhân có liên quan tổ chức kiểm điểm trách nhiệm để rút kinh nghiệm về những tồn tại, hạn chế mà Đoàn thanh tra huyện đã chỉ ra. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với các đơn vị trực thuộc, để kịp thời chấn chỉnh sai sót.

Kiến nghị xem xét cấp bổ sung kinh phí CSSKBD 1% số tiền **91.448.415đ**. Do BHXH huyện chưa trích chuyển kinh phí cho các Trường theo đúng quy định.

##### **3. Đối với Bảo hiểm Xã hội huyện:**

Tăng cường công tác tuyên truyền về việc sử dụng thẻ BHYT trong khám bệnh, chữa bệnh; hướng dẫn người dân bảo quản, sử dụng thẻ và cấp thẻ BHYT mới kịp thời cho đối tượng được hưởng.

Tăng cường kiểm tra, giám định chi phí BHYT tại TTYT huyện đảm bảo kịp thời đúng theo quy định;

Hàng năm thực hiện tạm ứng, thanh quyết toán chi phí KCB BHYT cho TTYT huyện đúng thời gian theo quy định.

Sau khi có kết luận thanh tra, BHXH huyện phối hợp với các trường lập đầy đủ thủ tục hồ sơ để cấp đúng theo quy định số tiền 19.026.104đ.

##### **4. Đối với Trung tâm Y tế huyện:**

Phối hợp chặt chẽ với BHXH huyện để thực hiện đúng chế độ, chính sách BHYT tránh tình trạng bị từ chối thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT đối với các nguyên nhân chủ quan.

Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn của đơn vị kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế mà Đoàn Thanh tra đã chỉ ra trong thời gian tới.

Tăng cường, kiểm tra, giám sát, đôn đốc hướng dẫn các Trạm y tế xã thực hiện nghiêm các quy định về chuyên môn trong khám, chữa bệnh và thanh toán quỹ BHYT.

Chỉ đạo Hội đồng thuốc và điều trị của Trung tâm Y tế huyện thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số: 21/2013/TT-BYT ngày 08/8/2013 của Bộ Y tế. Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị làm cơ sở cho việc xây dựng danh mục thuốc xác với thực tế.

### 5. Đối với Thanh tra huyện:

- Tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi tiền sai phạm nộp vào ngân sách huyện là 54.850.600đ (Qua tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện số TK: 3949.3.1069676.00000 tại Kho bạc huyện Krông Pa).

- Giao thanh tra huyện có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi việc thực hiện kết luận này và báo cáo Chủ tịch UBND huyện kết quả thực hiện.

Trên đây là Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thanh tra việc sử dụng quỹ bảo hiểm y tế, mua sắm trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, đấu thầu thuốc chữa bệnh tại BHXH huyện Krông Pa và Trung tâm y tế huyện Krông Pa./.

#### Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Sở Y tế;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- Thanh tra huyện;
- Bảo hiểm xã hội huyện;
- Trung tâm Y tế huyện;
- Lưu VT.

} (b/c)



**CHỦ TỊCH**

**Tô Văn Chánh**

ĐOÀN THANH TRÀ

## TỶ LỆ BAO PHỦ BHYT TỪ NĂM TỪ THÁNG 01/2014 - 9/2019

STT	Năm	Dân số	Số người tham gia BHYT	Tỷ lệ bao phủ (%)	Chỉ tiêu được giao
1	2	3	4	5	6
1	2014	80.132	72.136	90,02%	72.318
2	2015	82.640	74.849	90,57%	74.674
3	2016	84.028	82.315	97,96%	82.045
4	2017	84.623	81.436	96,23%	81.246
5	2018	85.242	84.740	99,41%	84.068
6	2019	86.053	85.313	99,14%	85.047

Krông Pa, ngày 05 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

TRƯỞNG ĐOÀN



Trần Quang Hiến

**ĐOÀN THANH TRÀ****TỔNG HỢP KÝ HỢP ĐỒNG KCB BHYT TỪ THÁNG 01/2014 - 9/2019**

STT	Số cơ sở KCB BHYT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
<b>1</b>	<b>Tổng số cơ sở KCB BHYT</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>14</b>
	Cơ sở y tế nhà nước	14	14	14	14	14	14
	Cơ sở y tế tư nhân						
<b>2</b>	<b>Tổng số cơ sở KCB BHYT</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>14</b>
2,1	Tuyển trung ương và tương đương						
	Dịch vụ						
	Định suất						
2,2	Tuyển tỉnh và tương đương						
	Dịch vụ						
	Định suất						
2,3	Tuyển huyện và tương đương	1	1	1	1	1	1
	Dịch vụ					1	1
	Định suất	1	1	1	1		
2,4	Tuyển xã và tương đương	13	13	13	13	13	13
	Dịch vụ					13	13
	Định suất	13	13	13	13		

Người lập biểu

Krông Pa, ngày 05 tháng 3 năm 2020

**TRƯỞNG ĐOÀN****Trần Quang Hiến**

**BÁO CÁO CÂN ĐỐI QUỸ KCB BHYT TỪ THÁNG 01/2014 - 9/2019**

STT	Tiêu chí	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
<b>1</b>	<b>Tổng thể</b>						
<b>2</b>	<b>Số lượt</b>	<b>65.890</b>	<b>73.300</b>	<b>88.845</b>	<b>89.484</b>	<b>93.260</b>	<b>51.615</b>
2.1	Số lượt BN trong tỉnh	65.387	72.845	88.291	88.831	92.387	51.142
2.2	Số lượt BN ngoài tỉnh	503	455	554	653	873	473
<b>3</b>	<b>Tổng chi của tỉnh, TP (3=3.1+3.2+3.3+3.4)</b>	<b>12.393.711.157</b>	<b>16.754.107.175</b>	<b>26.838.339.245</b>	<b>41.596.774.474</b>	<b>47.001.441.538</b>	<b>10.198.620.111</b>
3.1	Chi nội tỉnh	4.824.647.345	5.888.124.341	10.315.563.672	15.312.522.542	14.943.929.423	10.198.620.111
3.1.1	Chi cho cơ sở KCB	4.438.658.033	5.593.061.685	9.860.789.804	14.776.148.103	14.420.358.409	9.752.934.964
3.1.2	Chi thanh toán trực tiếp	44.643.000	500.000	3.522.152	12.672.884	30.578.708	35.017.446
3.1.3	Chi Chăm sóc SKBD	341.346.312	294.562.656	451.251.716	523.701.555	492.992.306	410.667.701
3.2	Đa tuyến đi	7.569.063.812	10.865.982.834	16.522.775.573	26.284.251.932	32.057.512.115	
3.3	Chi kết dư định suất	0	0	0	0	0	0
3.4	Dư quỹ định suất chuyển quỹ KCB năm sau của CS KCB	0	0	0	0	0	0
3.5	Chi kết dư 20% quỹ 2015	0	0	0	0	0	0
<b>4</b>	<b>Đa tuyến đến</b>						
<b>5</b>	<b>Quỹ KCB BHYT</b>	<b>42.504.565.057</b>	<b>41.237.071.234</b>	<b>47.288.759.593</b>	<b>51.466.152.175</b>	<b>62.214.943.623</b>	<b>0</b>
5.1	Quỹ KCB BHYT theo số thu	15.793.226.048	19.619.429.791	22.694.647.159	37.157.909.394	40.409.162.227	
5.2	Quỹ kết dư định suất năm trước chuyển sang	56.784.828	3.160.385.272	0	0		
<b>6</b>	<b>Cân đối quỹ (6=5-3)</b>	<b>30.110.853.901</b>	<b>24.482.964.059</b>	<b>20.450.420.348</b>	<b>9.869.377.701</b>	<b>15.213.502.085</b>	<b>-10.198.620.111</b>

Người lập biểu

Krông Pa, ngày 05 tháng 3 năm 2020  
**TRƯỞNG ĐOÀN**  
  
**Trần Quang Hiến**

**CƠ CẤU CHI PHÍ KCB BHYT TỪ THÁNG 01/2014 - 9/2019**

(Đơn vị tính: nghìn đồng)

STT	Nội dung	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
<b>1</b>	<b>Tổng chi KCB BHYT được thanh toán</b>	<b>4.693.389</b>	<b>5.994.779</b>	<b>10.452.377</b>	<b>15.646.388</b>	<b>15.482.697</b>	<b>9.500.971</b>
<b>2</b>	<b>Tách theo loại hình KCB</b>						
	Chi cho KCB ngoại trú	2.170.092	2.867.327	5.220.694	7.064.567	7.628.720	3.905.621
	Chi cho KCB nội trú	2.523.297	3.127.452	5.231.682	8.581.921	7.853.977	5.595.350
<b>3</b>	<b>Tách theo nội dung chi phí:</b>						
	Chi tiền dịch vụ KT (bao gồm cả XN, CĐHA, PT-TT, DVKT tỷ lệ)	1.685.800	1.955.272	3.208.401	3.836.519	4.005.188	2.379.793
	Chi tiền thuốc (máu, hóa chất, thuốc tỷ lệ)	1.749.556	2.453.289	3.413.175	3.773.772	4.323.608	2.365.867
	Chi tiền VTYT (bao gồm cả VTYT tỷ lệ)	35.718	42.649	42.820	44.963	74.880	71.709
	Chi tiền khám	347.359	429.578	1.301.639	2.645.334	2.402.416	1.176.379
	Chi tiền ngày giường	707.585	954.196	2.359.127	5.214.965	4.480.311	3.370.776
	Chi cho vận chuyển	167.371	159.795	127.205	130.935	196.293	136.448
<b>4</b>	<b>Tỷ trọng chi phí</b>						
	Chi tiền dịch vụ KT (bao gồm cả XN, CĐHA, PT-TT, DVKT tỷ lệ)	35,9%	32,6%	30,7%	24,5%	25,9%	25,0%
	Chi tiền thuốc (máu, hóa chất, thuốc tỷ lệ)	37,3%	40,9%	32,7%	24,1%	27,9%	24,9%
	Chi tiền VTYT (bao gồm cả VTYT tỷ lệ)	0,8%	0,7%	0,4%	0,3%	0,5%	0,8%
	Chi tiền khám	7,4%	7,2%	12,5%	16,9%	15,5%	12,4%
	Chi tiền ngày giường	15,1%	15,9%	22,6%	33,3%	28,9%	35,5%
	Chi cho vận chuyển	3,6%	2,7%	1,2%	0,8%	1,3%	1,4%

**Người lập biểu**

Krông Pa, ngày 05 tháng 3 năm 2020

**TRƯỞNG ĐOÀN**



**Trần Quang Hiến**

**TỔNG HỢP SỐ LIỆU TỪ CHỐI THANH TOÁN QUA KIỂM TRA, THẨM ĐỊNH TỪ THÁNG  
01/2014 - 9/2019**

(Đơn vị tính: nghìn đồng)

TT	Năm	Số tiền từ chối thanh toán qua giám định, kiểm tra CSKCB			Trong đó, qua kiểm tra	
		Số xuất toán ngoài dữ liệu	Xuất toán trong dữ liệu	Tổng cộng	Số đơn vị kiểm tra	Số từ chối thanh toán
1	2014	-	1.664	1.664	-	-
2	2015	-	23.612	23.612	-	-
3	2016	-	230.569	230.569	-	-
4	2017	-	346.296	346.296	2	-
5	2018	-	335.877	335.877	-	-
6	9/2019	-	251.964	251.964	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.567.260</b>	<b>909.668</b>	<b>2.476.928</b>	<b>2</b>	<b>-</b>

**Người lập biểu**

Krông Pa, ngày 05 tháng 5 năm 2020

**TRƯỞNG ĐOÀN**



**Trần Quang Hiến**

ĐOÀN THANH TRÀ**TỶ TRỌNG TIỀN GIƯỜNG TRONG CHI PHÍ KCB NỘI TRÚ TẠI CÁC BỆNH VIỆN TỪ THÁNG  
01/2014 - 9/2019**

đvt: nghìn đồng

STT	Năm	Tổng chi phí	Tiền giường	Tỷ lệ
1	2014	2.523.297	756.207	29,97%
2	2015	3.127.452	1.013.646	32,41%
3	2016	5.231.682	2.268.435	43,36%
4	2017	8.581.921	5.214.486	60,76%
5	2018	7.853.977	4.426.428	56,36%
6	9/2019	5.595.350	3.250.284	58,09%

Người lập biểu

Krông Pa, ngày 05 tháng 3 năm 2020

TRƯỞNG ĐOÀN



Trần Quang Hiễn

BIỂU SO SÁNH GIÁ MUA HOÁ CHẤT TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KRÔNG PA NĂM 2015

STT	Tên loại hoá chất, vật tư tiêu hao	Đơn vị tính	Giá mua			Giá xác định lại		Chênh lệch	Cơ sở xác định lại đơn giá			
			Số lượng	Đơn giá	Tổng giá trị mua sắm	Đơn giá	Tổng giá trị mua sắm		Giá CIF + Thuế NK + Thuế VAT+ các khoản thuế, phí khác phát sinh tại khâu nhập khẩu	Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	Lợi nhuận bình quân	Tổng đơn giá
1	2		3	4	5=3*4	6	7=6*3	8=7-5	9	10	11	12
1	Anios Special DJP	Can	2	2.802.500	5.605.000							
2	Anti A 10ml	Lọ	10	257.950	2.579.500							
3	Anti B 10ml	Lọ	10	257.950	2.579.500							
4	Bilirubin T+D 2x100ml	Hộp	1	1.330.232	1.330.232							
5	Buồng đếm Neubauer	Cái	6	2.231.250	13.387.500							
6	Cell Clean 50ml	Chai	4	2.577.300	10.309.200							
7	Cell Pack 20 lít	Thùng	31	2.079.000	64.449.000							
8	Creatinine lip 2x100ml	Hộp	1	1.140.875	1.140.875							
9	DD Lazarus (DD đếm số lượng bạch cầu)	Chai	2	118.125	236.250							
10	Dung dịch Marcano( DD đếm số lượng hồng cầu)	Chai	2	118.125	236.250							
11	Eight check -3WP 1,5ml	Lọ	3	1.241.763	3.725.289							
12	Gel Siêu Âm 5 lít	Can	9	136.290	1.226.610							
13	Glucose Liquid 4x100ml	Hộp	3	1.266.550	3.799.650							
14	GOT LIQUV 8x50ml	Hộp	2	3.024.657	6.049.314							
15	Microshield handrub 500ml	Chai	3	183.372	550.116							
16	Microshield 2% 500ml	Chai	25	178.227	4.455.675							
17	Nhóm máu A	Bịch	3	415.000	1.245.000							
18	Nhóm máu B 250ml	Bịch	1	415.000	415.000							
19	Potanh Bạch cầu	Cái	24	70.875	1.701.000							
20	Potanh Hồng cầu	Cái	12	70.875	850.500							
21	Stromatolyser 0.5lít	Lọ	26	2.079.000	54.054.000							
22	Test Chẩn Đoán HIV	Test	400	38.165	15.266.000							
23	Test Dengue NS1 Ag	Test	375	121.670	45.626.250							
24	Test Dengue NS1 Ag	Test	60	91.875	5.512.500							
25	Test HBsAg(test viêm gan)	Test	1.000	23.585	23.585.000							
26	Test thử nước tiểu 11 TS	Hộp	7	916.965	6.418.755							
27	Test xn Mop	Test	150	33.607	5.041.050							
28	Thuốc rửa phim X Quang	Bộ	9	1.567.335	14.106.015							
29	Thuốc rửa phim X Quang	Bộ	4	1.080.200	4.320.800							
30	Thuốc rửa phim X Quang	Bộ	4	1.031.100	4.124.400							
31	Thuốc rửa phim X Quang	Bộ	3	1.031.000	3.093.000							



40	Kim Châm Cứu Số 4	Cái	500	867	433.500														
41	Kim Châm Cứu Số 5	Cái	250	919	229.750														
42	Kim chọc dò tủy sống số 25	Cây	150	29.402	4.410.300														
43	Kim sắc rê số 18	Cây	4.500	483	2.173.500														
44	Lamen	Hộp	1	123.375	123.375														
45	Lưỡi Dao Mổ số 20	Cái	300	1.313	393.900														
46	Nón phẫu thuật	Cái	500	1.271	635.250														
47	Ông chống đông EDTA	Cái	11.000	1.187	13.057.000														
48	Ông hút dịch TE có nắp	Sợi	400	4.820	1.927.800														
49	Ông nghiệm có nắp	Cái	1.000	630	630.000														
50	Phim Xquang 30x40	Phim	1.500	17.504	26.256.000														
51	Phim Xquang 30x40	Phim	2.000	21.500	43.000.000														
52	Syringer 10cc	Cái	300	1.575	472.500														
53	Syringer 1cc	Cái	1.800	914	1.645.200														
54	Syringer 5ml	Cái	50.000	935	46.750.000														
55	Thông dạ dày 14	Sợi	80	7.308	584.640														
56	Thông dạ dày 14	Sợi	60	7.491	449.460														
57	Thông Foley 2 Nhánh	Cái	800	13.913	11.130.400														
58	Túi nước tiểu	Cái	300	5.723	1.716.750														
<b>Cộng: 58</b>						<b>562.242.479</b>													
<b>Tổng cộng:</b>						<b>873.032.907</b>													

Ghi chú: "Cơ sở xác định lại đơn giá" được xác định theo phương pháp quy định tại Thông tư 25/TT-BTC ngày 17/2/2014 của Bộ Tài chính hoặc tham khảo giá bán trên các trang Web mua bán vật tư, hoá chất y tế Cột 11: Lợi nhuận bình quân được tính bằng tỉ suất bình quân lợi nhuận trên giá vốn dựa trên báo cáo tài chính của nhà thầu nộp tại hồ sơ dự thầu

Người lập biểu

Krông Pa, ngày 05 tháng 5 năm 2020

TRƯỞNG ĐOÀN



Trần Quang Hiến

BIỂU SO SÁNH GIÁ MUA HOÁ CHẤT TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KRÔNG PA NĂM 2014

STT	Tên loại hoá chất, vật tư tiêu hao	Đơn vị tính	Giá mua			Giá xác định lại		Chênh lệch	Cơ sở xác định lại đơn giá (theo phương pháp chi phí)			
			Số lượng	Đơn giá	Tổng giá trị mua sắm	Đơn giá	Tổng giá trị mua sắm		Giá CIF + Thuế NK + Thuế VAT+ các khoản thuế, phí khác phát sinh tại khâu nhập khẩu	Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	Lợi nhuận bình quân	Tổng đơn giá
1	2		3	4	5=3*4	6	7=6*3	8=7-5	9	10	11	12
<b>Hóa chất và sinh phẩm</b>												
1	Anti A 10ml	Lọ	4	246.225	984.900							
2	Anti A 10ml	Lọ	2	257.950	515.900							
3	Anti AB 10ml	Lọ	1	331.800	331.800							
4	Anti B 10ml	Lọ	4	246.225	984.900							
5	Anti B 10ml	Lọ	2	257.950	515.900							
6	Cell Clean 50ml	Chai	4	2.577.300	10.309.200							
7	Cell Pack 20 lít	Thùng	6	2.373.305	14.239.830							
8	Cell Pack 20 lít	Thùng	17	2.079.000	35.343.000							
9	Creatinine lip 2x100ml	Hộp	1	1.076.987	1.076.987							
10	Eight Check - 3WP (1,5ml)	Lọ	1	3.840.900	3.840.900							
11	Gel Siêu Âm 5 lít	Can	6	136.290	817.740							
12	Glucose Liquid 4x100ml	Hộp	1	1.226.021	1.226.021							
13	Glucose Liquid 4x100ml	Hộp	1	1.284.403	1.284.403							
14	GOT LIQUV 8x50ml	Hộp	1	2.903.671	2.903.671							
15	GOT LIQUV 8x50ml	Hộp	1	3.041.941	3.041.941							
16	GPT LIQUV 8x50ml	Hộp	1	2.903.671	2.903.671							
17	GPT LIQUV 8x50ml	Hộp	1	3.041.941	3.041.941							
18	Microshield handrub 500ml	Chai	6	183.372	1.100.232							
19	Microshield 2% 500ml	Ml	6	170.982	1.025.892							
20	Nhóm máu A	Bịch	2	415.000	830.000							
21	Nhóm máu B 250ml	Bịch	4	415.000	1.660.000							
22	Nhóm máu O 250ml	Bịch	10	415.000	4.150.000							
23	Presept	Viên	1.000	5.823	5.823.000							
24	Stromatolyser 0.5lít	Lọ	2	2.263.777	4.527.554							
25	Stromatolyser 0.5lít	Lọ	17	2.079.000	35.343.000							
26	Test Chẩn Đoán HIV	Test	100	36.055	3.605.490							
27	Test Dengue NS1 Ag	Test	25	121.670	3.041.750							
28	Test HBsAg( Test viêm gan)	Test	600	22.265	13.359.000							
29	Test HCG ( Test Thử thai) Acon	Test	100	6.328	632.800							
30	Test thử nước tiểu 11TS	Hộp	2	768.180	1.536.360							
31	Test Xn Mop	Test	330	32.242	10.639.860							
32	Thuốc rửa phim X Quang	Bộ	20	1.567.335	31.346.700							
33	Trulab N	Hộp	1	558.600	558.600							
34	Trulab P	Hộp	1	558.600	558.600							
35	Ure lip 2x100ml	Hộp	1	992.313	992.313							
36	Uric acid lip 4x30ml	Hộp	1	1.303.577	1.303.577							
<b>Cộng: 36</b>					<b>205.397.433</b>							
<b>Vật tư tiêu hao</b>												
1	Băng Cuộn Urgo	Cuộn	240	17.966	4.311.720							
2	Băng Cuộn Y Tế 0.07x2.5m	Cuộn	4.000	2.503	10.012.800							
3	Băng keo nhiệt	Cuộn	10	167.895	1.678.950							
4	Băng Keo Urgo 2.5 X 6	Cuộn	720	19.026	13.698.720							
5	Băng Keo Urgo 2.5 X 6	Cuộn	120	18.120	2.174.400							
6	Băng Ròn Trẻ Sơ Sinh	Cái	3.300	1.407	4.643.100							
7	Băng Thun 9cm X 5.5m	Cuộn	360	15.750	5.670.000							
8	Bilirubin T+D 2x100ml	Hộp	1	1.255.740	1.255.740							
9	Bông 25gr	Gói	3.000	5.954	17.860.500							
10	Bông 25gr	Gói	5.000	5.800	29.000.000							
11	Bột Bó	Cuộn	180	21.683	3.902.850							
12	Catheter G20	Cái	3.000	5.198	15.592.500							
13	Catheter G24	Cái	2.000	6.195	12.390.000							
14	Chi Chromic I + Kim O	Tép	1.512	26.267	39.715.402							
15	Chi Silk 2/0 A36 kim tròn	Tép	232	19.908	4.618.656							
16	Chi Silk 2/0 kim tam giác	Tép	1.608	23.913	38.451.622							
17	Chi Silk 2/0 kim tam giác	Tép	200	22.774	4.554.800							
18	Chi Silk 3/0 Kim Tam Giác	tep	120	22.302	2.676.240							
19	CHI SILK 4/0 KIM TG	TÉP	100	23.169	2.316.930							
20	CHI SILK 4/0 KIM TG	TÉP	10	21.525	215.250							
21	Chi Vicryl số 0	Tép	98	102.638	10.058.475							
22	Dao Mổ 20	Cái	300	1.239	371.700							
23	Đầu Cól Vàng	cái	1.000	275	275.000							
24	Đầu Cól Xanh	cái	1.000	275	275.000							
25	Dây Thờ Oxy 2 Nhánh Người Lớn	Cái	500	6.300	3.150.000							
26	Dây truyền dịch	Bộ	4.500	2.646	11.907.000							

